TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/HS-ST
Ngày 15 -12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy Mai.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Chúc
Bà Đỗ Thị Kim Thuý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 104/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn H, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1965 tại Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện tại: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và con bà Lê Thị P, sinh năm 1930; vợ là Đặng Thị O, sinh năm 1971 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14/5/2023 đến 20/5/2023. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Âu Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
2. Anh Trần Văn Q, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện M, TP Hà Nội.
3. Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.
4. Chị Nguyễn Mai L1, sinh năm 2004 (vắng mặt)
5. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990 (vắng mặt)
6. Bà Đặng Thị O, sinh năm 1971 (vắng mặt)
Đều ở địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

7. Chị Doãn Thị T2, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn F, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/3/2023, anh Âu Văn T, sinh năm 1987, trú tại thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cùng anh Hồ Văn B, sinh năm 1989, trú tại thôn Y, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội đi xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, BKS: 88L1 – 209.99 đến nhà Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 ở thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc để anh T vay tiền. Tại đây anh T đặt vấn đề vay số tiền 37.000.000đ, H đồng ý nhưng yêu cầu T phải viết giấy bán xe mô tô Honda SH: BKS: 88L1 – 209.99 và để lại cùng đăng ký xe, H cắt tiền lãi trước 15 ngày với số tiền 4.000.000đ. Sau khi viết giấy bán xe xong thì H chuyển cho T 33.000.000đ (trong đó đưa 18.000.000đ tiền mặt, còn 15.000.000đ thì H bảo con gái Nguyễn Mai L1, sinh năm 2004 chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng T5 số 19034274821011 của anh T). Đến ngày 12/4/2023 do chưa có tiền để lấy xe về, theo yêu cầu của H, anh T trả tiếp tiền lãi cho H 3.800.000đ và ngày 27/4/2023 anh T tiếp tục trả tiền lãi cho H 3.500.000đ.

Ngày 14/5/2023, anh T đi cùng bạn là Nguyễn Văn C, sinh năm 1984 trú tại thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đến nhà H để trả tiền gốc đã vay để lấy xe mô tô về. H yêu cầu ngoài số tiền gốc 37.000.000đ, anh T phải trả thêm 2.000.000đ tiền lãi. Anh T đồng ý đưa cho H 35.000.000đ tiền mặt và điện thoại nhờ bạn là anhTrần Trung K, sinh năm 1986 trú tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc chuyển 4.000.000đ vào tài khoản số 2803205087894 mang tên Doãn Thị T2 tại Ngân hàng N1, theo yêu cầu của H.

Như vậy tổng 48 ngày (từ ngày 27/3/2023 đến ngày 14/5/2023), H đã thu của anh T 13.300.000đ tiền lãi. Một ngày anh T phải trả 277.083đ tiền lãi cho H tương đương 273%/01năm. Trong đó tiền lãi hợp pháp H được phép thu 973.150đ, tiền lãi bất hợp pháp H đã thu của anh T là 12.326.850đ.

Ngay sau khi các bên đã trả tiền cho nhau xong, đến 12 giờ 30 phút cùng ngày 14/5/2023, Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh V phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ vật chứng gồm:

- Tiền ngân hàng N2: 35.000.000đ.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu nâu, BKS: 88L1 – 209.99.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Nguyễn Văn H.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung của Âu Văn T.
- 01 giấy mua bán xe ô tô mang tên Nguyễn Văn X.
- 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ mang tên Trần Văn Q.

Cơ quan điều tra đã ra lệnh khám xét khẩn cấp số 34 ngày 14/5/2023, tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn H ở Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc thu giữ: 01 giấy vay tiền mang tên Đỗ Văn T3; 01 giấy vay tiền kiêm nhận nợ

mang tên Lê Hoài N; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, BKS: 29Z1 – 449.51; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, BKS: 29Z1 – 410.50 và 01 két sắt.

Quá trình điều tra xác định, ngoài lần cho anh T vay nêu trên, Nguyễn Văn H còn cho 02 người khác vay lãi nặng, cụ thể:

- Ngày 26/3/2023 anh Trần Văn Q, sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội đi xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ, BKS: 29Z1 – 22.762 của Q đến nhà Nguyễn Văn H để vay tiền. Anh Q đặt vấn đề vay số tiền 11.000.000đ, H đồng ý nhưng yêu cầu anh Q phải để lại xe máy, viết giấy vay tiền, H cắt tiền lãi trước của anh Q 10 ngày từ ngày 26/3/2023 đến ngày 05/4/2023 với số tiền là 2.000.000đ, anh Q đồng ý. Sau khi anh Q viết giấy xong H đưa cho Q 9.000.000đ.

Ngày 05/4/2023 anh Q đến nhà H để trả tiền và lấy xe máy. H yêu cầu anh Q chuyển đủ 11.000.000đ, chuyển khoản tới tài khoản của con gái là Nguyễn Mai L1, số 8060420488888 Ngân hàng TMCP Q1. Tổng 10 ngày từ ngày 26/3/2023 đến ngày 05/4/2023 H đã thu của anh Q 2.000.000đ.

Như vậy một ngày anh Q phải trả 200.000đ tiền lãi cho H, tương đương mức lãi suất 663,64%/ 01 năm. Trong đó tiền lãi hợp pháp được phép thu 60.273đ, tiền lãi bất hợp pháp H đã thu của anh Q là 1.939.727đ.

Ngày 23/5/2023, anh Trần Văn Q đã tự nguyện giao nộp xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ, BKS: 29Z1 – 227.62 để phục vụ điều tra.

- Ngày 06/4/2023 anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1993, trú tại thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cùng anh Hồ Văn B, sinh năm1989, trú tại thôn Y, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội đi xe ô tô nhãn hiệu KIA K3, BKS: 88A – 505.71 của anh X đến nhà Nguyễn Văn H để vay tiền. Anh X đặt vấn đề vay 150.000.000đ, H đồng ý nhưng yêu cầu anh X phải để lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA K3, BKS: 88A – 505.71 và viết giấy bán xe cho H đồng thời cắt tiền lãi trước 15 ngày với số tiền 15.000.000đ. Sau khi viết giấy bán xe, H đưa cho anh X 110.000.000đ tiền mặt, còn 25.000.000đ Hồng nhờ con gái là Nguyễn Mai L1 sử dụng số tài khoản 8060420488888 Ngân hàng TMCP Q1 chuyển tiền đến số tài khoản 11726677 của anh X mở tại Ngân hàng A. Tổng số tiền anh X nhận được là 135.000.000đ.

Ngày 19/4/2023 H yêu cầu anh X phải đóng tiếp 25.000.000đ tiền lãi, nếu không đóng thì H sẽ bán xe ô tô. Anh X đồng ý sau đó chuyển 25.000.000đ từ tài khoản ngân hàng A, số A của mình đến tài khoản số 8060420488888 của Nguyễn Mai L1 mở tại Ngân hàng TMCP Q1 theo yêu cầu của H.

Ngày 03/5/2023 anh X đi cùng bạn là Nguyễn Tuấn T4, sinh năm 1993, trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đến nhà H để trả tiền gốc và lấy xe ô tô. H yêu cầu anh X trả 140.000.000đ là xong tiền gốc vì Hồng trừ cho anh X 10.000.000đ trong số tiền 25.000.000đ đã đóng tiền lãi cho H ngày 19/4/2023. Anh X đồng ý và chuyển cho H 140.000.000đ rồi lấy xe ô tô về. Tổng 28 ngày, từ ngày 06/4/2023 đến ngày 03/5/2023 H đã thu của X 30.000.000đ tiền lãi.

Như vậy một ngày anh X phải trả 1.071.428đ tiền lãi cho H, lãi suất tương đương 260,7%/ 01 năm. Trong đó tiền lãi hợp pháp H được phép thu 2.301.369đ, tiền lãi bất hợp pháp H đã thu của anh X là 27.698.151đ.

Ngày 24/5/2023, anh Nguyễn Văn X đã tự nguyện giao nộp xe ô tô KIA K3, BKS: 505.71 để phục vụ điều tra.

Ngoài 03 trường hợp cho vay lãi nặng nêu trên, Cơ quan điều tra xác định Nguyễn Văn H có cho một số người quen vay tiền nhưng số lượng ít, thời gian vay ngắn nên H không tính lãi. Cụ thể: Giấy vay nợ của anh Đỗ Văn T3, sinh năm 1998, HKTT: Thôn T, xã T, huyện M, TP Hà Nội, ngày 21/02/2023 H cho anh T3 vay 4.500.000đ và để lại xe mô tô BKS: 29Z1 – 449.51. Đến nay anh T3 vẫn chưa trả tiền vay. Giấy vay nợ của anh Lê Hoài N, sinh năm 1994, HKTT: Thôn M, xã C, huyện M, TP Hà Nội, ngày 11/5/2023 H cho anh N 4.000.000đ để tiêu sài cá nhân và để lại xe mô tô BKS: 29Z1 – 410.50. Đến nay anh N vẫn chưa trả tiền vay.

Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh V đã thu giữ 01 điện thoại di động Iphone XS của Nguyễn Mai L1, 01 điện thoại di dộng SamSung của Nguyễn Văn T1 (con trai của H). Quá trình điều tra chị Đặng Thị O (vợ của H) giao nộp số tiền 45.300.000đ và chị Doãn Thị T2 giao nộp 4.000.000đ cho Cơ quan điều tra.

* Về xử lý đồ vật, tài sản tạm giữ:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu nâu, BKS: 88L1 – 209.99 là của anh Trần Trung K1, sinh năm 1986, trú tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 25/3/2023 anh đồng ý cho bạn là Âu Văn T mượn đi cầm cố để lấy tiền giải quyết công việc cá nhân. Anh đề nghị được xin lại xe lấy phương tiện đi lại, ngày 16/9/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh K1 xe mô tô BKS: 88L1 – 209.99; trả cho anh Âu Văn T điện thoại di động S.

- Đối với xe mô tô Wave, BKS: 29Z1 – 227.62, xác định chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Văn Q, ngày 16/9/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh Q.

- Xe ô tô nhãn hiệu KIA K3, BKS: 88A – 505.71, xác định chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn X, ngày 16/9/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh X.

- Về xe mô tô BKS: 29Z1 – 449.51 cùng giấy vay tiền mang tên Đỗ Văn T3. Xe mô tô BKS: 29Z1 – 410.50 cùng giấy vay tiền kiêm nhận nợ mang tên Lê Hoài N, xác định vay nợ dân sự đến nay anh T3, anh N chưa trả số tiền vay, vì vậy ngày 16/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại H 02 xe mô tô trên cùng giấy vay tiền để các bên thực hiện nghĩa vụ dân sự. Về két sắt đã thu giữ, Cơ quan điều tra đã tiến hành mở két sắt nhưng bên trong không có gì, do vậy đã trả lại Nguyễn Văn H .

- Ngày 16/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại anh T1 chiếc điện thoại di động S.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone thu giữ của Nguyễn Văn H, 01 điện thoại di động Iphone XS thu giữ của Nguyễn Mai L1, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định nhưng không có nội dung liên quan đến việc cho vay lãi nặng.

Tại Cáo trạng số 111/VKS-P2 ngày 18 tháng 10 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo về tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng hình phạt thấp nhất.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 80.000.000đ đến 90.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho chị Nguyễn Mai L1 01 điện thoại di động Iphone SX màu đen;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động Iphone màu đen nhưng cần tạm giữ điện thoại của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Truy thu, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc Nguyễn Văn H cho vay lãi nặng là 198.000.000đ (trong đó Âu Văn T: 37.000.000đ; Trần Văn Q 11.000.000đ; Nguyễn Văn X 150.000.000đ).

- Buộc Nguyễn Văn H nộp lại số tiền lãi đã thu theo quy định 20%/năm là 3.334.792đ để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính 41.965.208đ là tiền Nguyễn Văn H cho 03 người vay lãi nặng, cần trả lại cho anh Âu Văn T 12.326.850đ, anh Trần Văn Q 1.939.727đ và anh Nguyễn Văn X 27.698.631đ.

- Xác nhận chị Đặng Thị O đã giao nộp số tiền 45.300.000đ, chị Doãn Thị T2 giao nộp số tiền 4.000.000đ.

Ngoài ra, đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham

gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ và tang vật thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 26/3/2023 đến ngày 06/4/2023, Nguyễn Văn H đã cho anh Âu Văn T vay 37.000.000đ trong thời hạn 48 ngày, thu tiền lãi 13.300.000đ (tương đương lãi suất 273%/năm), cho anh Trần Văn Q vay 11.000.000đ trong thời hạn 10 ngày, thu tiền lãi 2.000.000đ (tương đương lãi suất 663,64%/năm) và cho anh Nguyễn Văn X vay 150.000.000đ trong thời hạn 28 ngày, thu tiền lãi 30.000.000đ (tương đương lãi suất 260,7%/năm). Tổng số tiền lãi đã thu của 03 người vay là 45.300.000đ, trong đó tiền lãi tối đa (20%/năm) theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.334.792đ, tiền thu lời bất chính 41.965.208đ.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào tội " Cho vay nặng lãi trong dân sự " quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoản 1 Điều 201 BLHS năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: *"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm".*

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo về tội "Cho vay nặng lãi trong dân sự " quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo là đối tượng có nhân thân tốt, phạm tội vì mục đích tư lợi, thu lãi cao bất chính nhưng không mang tính chất chuyên nghiệp. Bản thân bị cáo được hưởng nhiều

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Chấp hành tốt quy định nơi cư trú nên cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động Iphone XS thu giữ của Nguyễn Mai L1; 01 điện thoại di động Iphone thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn H không liên quan đến việc cho vay lãi nặng cần trả lại cho chị Nguyễn Mai L1 và bị cáo. Tuy nhiên cần tạm giữ điện thoại của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[6] Các biện pháp tư pháp khác:

- Số tiền 198.000.000đ mà bị cáo cho vay để thu lời bất chính trong đó anh Âu Văn T 37.000.000 đ, anh Trần Văn Q 11.000.000đ, anh Nguyễn Văn X 150.000.000đ cần truy thu tịch thu sung công quỹ nhà nước. Xác nhận vợ bị cáo là Đặng Thị O đã nộp số tiền 45.300.000 đ; chị Doãn Thị T2 giao nộp số tiền 4.000.000 đ và thu giữ khi bắt quả tang 35.000.000đ, tổng số 84.300.000đ nay đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc cần khấu trừ vào số tiền bị cáo bị truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 113.700.000đ.

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền lãi đã thu theo quy định 20%/năm là 3.334.792 đ để sung quỹ Nhà nước.

- Về số tiền lãi theo thỏa thuận mà những người vay lãi nặng phải trả cho bị cáo là 41.965.208đ nay cần trả lại cho những người vay. Cụ thể: Anh Âu Văn T 12.326.850đ, anh Trần Văn Q 1.939.727đ, anh Nguyễn Văn X 27.698.631 đ.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Mai L1 nhiều lần nhận tiền lãi và chuyển tiền vay theo yêu cầu của Nguyễn Văn H vì H không sử dụng tài khoản ngân hàng. Tuy nhiên việc thỏa thuận cho vay và tính lãi suất của H như thế nào thì L1 không biết, không được hưởng lợi gì từ việc H cho vay lãi nặng. Do vậy không có cơ sở để xử lý đối với Nguyễn Mai L1.

Đối với Nguyễn Văn T1, Cơ quan điều tra xác minh, xác định trước đây T1 có đăng ký và làm dịch vụ cầm đồ nên in mẫu giấy vay tiền, sau đó T1 không làm dịch vụ cầm đồ nữa, H đã lấy mẫu giấy này để cho những người vay tiền, T1 không liên quan đến việc H cho vay lãi nặng. Do vậy không có cơ sở để xử lý đối với Nguyễn Văn T1.

Đối với Đặng Thị O không biết, không tham gia vào việc H cho vay lãi nặng do vậy không đề cập xử lý.

Đối với Doãn Thị T2, sinh năm 1975, trú tại thôn F, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 14/5/2023 chị T2 đã nhận cho H 4.000.000đ tiền lãi từ Âu Văn

T chuyển khoản đến. Tuy nhiên chị T2 không biết đó là tiền lãi H thu của T. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ".

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và điểm a, b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng chẵn)

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho chị Nguyễn Mai L1 01 điện thoại di động Iphone SX màu đen; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động Iphone màu đen nhưng cần tạm giữ điện thoại của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu vật chứng ngày 19/10/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc).

3. Về các biện pháp tư pháp khác:

- Truy thu số tiền 198.000.000đ của bị cáo Nguyễn Văn H để sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 84.300.000đ đang tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. (Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu vật chứng ngày 19/10/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc).

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền lãi đã thu theo quy định 20%/năm là 3.334.792 đ để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo trả cho anh Âu Văn T 12.326.850đ, anh Trần Văn Q 1.939.727đ, anh Nguyễn Văn X 27.698.631 đ.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Người có QL và NV liên quan
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu bộ phận HC-TP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy Mai